

SỔ GIÁC DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 2930
 Ngày: 27 tháng 1 năm 11

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFE BIÊN HOÀ
 Địa chỉ: KCN Biên Hoà 1, Biên Hoà, Đồng Nai

Mẫu số B 02a-BH
 (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 22/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Dạng đầy đủ)
 Quy: 2010/04

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	306,420,315,908	311,547,374,555	1,381,911,877,370	1,821,419,145,722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	30,714,187	356,626,988	247,574,668	725,400,674
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	306,390,551,641	311,190,747,567	1,381,664,302,702	1,820,693,745,048
4. Giá vốn hàng bán	13	303,663,756,303	235,643,005,039	1,828,845,343,605	708,264,519,884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 13)	20	87,696,795,338	75,547,742,528	272,818,959,097	351,429,225,164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,342,884,161	5,083,531,433	27,822,976,815	13,677,839,648
7. Chi phí tài chính	32	3,813,587,419	4,858,653,553	11,818,394,063	12,743,456,458
- Trong đó: Chi phí lãi vay ngắn hạn	33	2,837,855,467	2,492,967,859	2,838,035,467	2,577,732,596
8. Chi phí bán hàng	34	30,637,422,708	28,333,282,155	95,816,642,096	96,106,710,665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8,445,169,804	5,336,907,268	28,961,259,015	15,414,836,303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (34+35))	30	47,143,040,697	42,210,341,631	164,145,635,328	136,643,061,417
11. Thu nhập khác	31	5,374,651,330	4,506,836,998	14,207,268,889	10,939,917,717
12. Chi phí khác	32	84,482,536	13,151,189	87,800,818	140,292,304
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5,290,168,814	4,493,685,801	14,119,768,069	10,799,625,413
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	52,433,218,511	46,703,226,832	178,265,403,407	147,442,686,830
15. Chi phí thuế TNDH hiện hành	51	7,382,718,719	2,476,194,768	16,970,908,927	11,827,451,515
16. Chi phí thuế TNDH hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	45,050,499,792	44,227,032,064	161,294,494,480	135,615,235,315
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,471	3,040	6,327	8,594

Người lập báo cáo:
 (Chữ ký và họ tên)

Kế toán trưởng:
 (Chữ ký và họ tên)

Chức vụ: Giám đốc
 (Chữ ký và họ tên)